

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 19/07/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0361	SV7677228	PHAN DUY	AN	27/09/1985		
2	TA0362	SV7677229	LÊ TUẤN	ANH	22/08/1975		
3	TA0363	SV7677230	TRẦN XUÂN	CƯỜNG	10/11/1996		
4	TA0364	SV7677231	NGUYỄN HỒNG	DIỆP	19/01/1986		
5	TA0365	SV7677232	NGUYỄN BÁ	ĐỒNG	21/01/1994		
6	TA0366	SV7677233	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	19/01/1978		
7	TA0367	SV7677234	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	13/09/1999		
8	TA0368	SV7677235	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	01/12/1980		
9	TA0369	SV7677236	TRẦN NGỌC	HOÀNG	05/06/1997		
10	TA0370	SV7677237	LẠI VŨ	HÙNG	22/10/1993		
11	TA0371	SV7677238	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	30/12/1997		
12	TA0372	SV7677239	TRẦN DUY	HÙNG	18/02/1981		
13	TA0373	SV7677240	TRỊNH THU	HƯƠNG	22/05/1987		
14	TA0374	SV7677241	NGUYỄN VĂN	KHIÊM	18/11/1984		
15	TA0375	SV7677242	HOANG NGUYEN HOÀI	LINH	04/06/1998		
16	TA0376	SV7677243	PHẠM VĂN	LONG	01/06/1984		
17	TA0377	SV7677244	DƯƠNG THỊ HOA	MAI	11/03/1994		
18	TA0378	SV7677245	NGUYỄN TẤN	PHÁT	14/10/1997		
19	TA0379	SV7677246	ĐỖ HOÀNG	PHƯƠNG	19/11/1982		
20	TA0380	SV7677247	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	020/8/1993		
21	TA0381	SV7677248	NGUYỄN HẢI	QUÂN	05/09/1998		
22	TA0382	SV7677249	PHAN NHƯ	QUỲNH	25/06/2000		
23	TA0383	SV7677250	NGUYỄN QUYẾT	THẮNG	20/11/1996		

24	TA0384	SV7677251	NGUYỄN MẠNH	THẮNG	20/11/1975		
25	TA0385	SV7677252	NGUYỄN VĂN	THIÊN	20/12/1987		
26	TA0386	SV7677253	PHƯƠNG MINH	THU	12/10/1985		
27	TA0387	SV7677254	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	04/06/1980		
28	TA0388	SV7677255	NGUYỄN TIẾN	CƯỜNG	10/9/1992		
29	TA0389	SV7677256	ĐÀM QUANG	MINH	5/25/1982		
30	TA0390	SV7677257	LÊ ĐỨC	THÀNH	12/3/1985		
31	TA0391	SV7677258	NGUYỄN HỒNG	SƠN	02/06/1985		
32	TA0392	SV7677259	Triệu Thị	Yến	25/05/1995		
33	TA0353	SV7677260	Lê Thị Thảo	Vân	1/9/2000		
34	TA0354	SV7677261	Lưu Thị	Vân	25/5/2000		
35	TA0355	SV7677262	Đỗ Đức	Việt	23/7/2000		
36	TA0356	SV7677263	Phạm Đức	Việt	19/10/2000		
37	TA0357	SV7677264	Trương Hoàng	Việt	3/9/2000		
38	TA0358	SV7677265	Nông Tuấn	Vũ	3/11/1999		
39	TA0359	SV7677266	Dương Thị	Yến	12/11/1999		
40	TA0360	SV7677267	Nguyễn Thị Hải	Yến	8/6/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)